

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
NĂM HỌC: 2024 - 2025
LỚP: LÁ 3 (5 - 6 tuổi)

Giáo viên:
LÝ KIM PHỤNG
LÊ THỊ NGỌC HẠNH

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

1.1. Mục tiêu giáo dục

Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.

- Tay:

+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân)

+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.

- Lưng, bụng, lườn:

+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.

+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.

+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái

- Chân:

+ Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.

+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.

Trẻ có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ và dẻo dai của cơ thể trong thực hiện các bài tập vận động và bài tập tổng hợp

* Trẻ có khả năng:

+ Chạy 18m liên tục trong khoảng 5-7 giây

+ Chạy chậm khoảng 100 - 120m

+ Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian

+ Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút

+ Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.

+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m.

+ Bò đích dắc qua 7 điểm.

+ Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.

+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.

+ Bài tập tổng hợp: Bật tách chân, ném xa 1 tay, chạy nhanh

Trẻ kiểm soát, giữ được thăng bằng cơ thể và thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.T9

* Trẻ thực hiện được kỹ năng:

- + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.
- + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc.
- + Đi nổi bàn chân tiến, lùi.
- + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)
- + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.
- + Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật

đang đội trên đầu

- + Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.

Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian và giữ thăng bằng khi vận động

*Trẻ thực hiện được kỹ năng:

- + Tung bóng lên cao và bắt.
- + Tung, đập bắt bóng tại chỗ.
- + Đi, đập và bắt được bóng bằng 2 tay
- + Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.
- + Ném và bắt bóng bằng 2 tay với người đối diện từ khoảng cách 4m
- + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
- + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.
- + Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).
- + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
- + Nhảy lò cò 5m, đổi chân theo yêu cầu.

Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn:

*Trẻ có khả năng:

- + Bật liên tục vào vòng.
- + Bật xa tối thiểu 50 cm
- + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).
- + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.
- + Bật qua vật cản cao 15 - 20cm.
- + Trèo lên xuống 7 giống thang.
- + Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất

Trẻ có thể kiểm soát và có kỹ năng, phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Bẻ, nắn.
- Lắp ráp.
- Xé, cắt đường vòng cung,
- Cắt theo đường viền của hình vẽ.
- Tô, đồ theo nét.
- Tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ.
- Tự cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây, cài quai dép.
- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay

- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
- Đan tết.
- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.
- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
- Xếp chồng 12- 15 khối theo mẫu.

Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:

- + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...
- + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...

Trẻ hiểu biết về thực phẩm và dinh dưỡng, nói được tên một số món ăn hàng ngày, dạng chế biến đơn giản và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- + Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản : rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
- + Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm
- + Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống
- + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
- + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).

+ Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.

Trẻ có hiểu biết và thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản trong sinh hoạt về thực hành và vệ sinh cá nhân:

- Tập luyện kỹ năng và tự đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng hàng ngày.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn
- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định
- Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp
- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.

Trẻ có một số hành vi, thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, vệ sinh, phòng bệnh, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân:

- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.
- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.
- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.
- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....
- Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.
- Lựa chọn, sử dụng và ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết: Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh

- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh

Trẻ biết tránh một số đồ vật, vật dụng, những nơi nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.

- Biết và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.

- Biết và không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm: ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.

Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:

- Biết cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt sẽ dễ bị hóc sặc
- Biết không tự ý uống thuốc.
- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe: ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê không tốt cho sức khỏe.
- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.

Trẻ nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:

- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu
- Biết gọi người lớn khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.
- Biết không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.
- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.

- Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép

- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm

Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:

- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.
- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.

- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...

1.2. Hình thức

1.2.1. Sinh hoạt

Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp:

- - Tay:
 - + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân)
 - + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.
 - - Lưng, bụng, lườn:
 - + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.
 - + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.
 - + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.
 - - Chân:
 - + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.

•+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau

Trẻ có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ và dẻo dai của cơ thể trong thực hiện các bài tập vận động và bài tập tổng hợp

- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút

- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút

Trẻ kiểm soát, giữ được thăng bằng cơ thể và thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- Đứng một chân và giữ thăng bằng trong 10 giây.

Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian và giữ được thăng bằng khi vận động

- Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).

- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.

Trẻ có thể kiểm soát và có kĩ năng, phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Bẻ, nắn.

- Lắp ráp.

- Xé, cắt đường vòng cung,

- Cắt theo đường viền của hình vẽ.

- Tô, đồ theo nét.

- Tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ.

- Tự cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây, cài quai dép.

- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay

- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.

- Đan tết.

- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.

- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.

- Xếp chồng 12- 15 khối theo mẫu.

Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:

+ Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...

+ Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...

Trẻ hiểu biết về thực phẩm và dinh dưỡng, nói được tên một số món ăn hằng ngày, dạng chế biến đơn giản và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.

+ Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

+ Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm

+ Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống

+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

+ Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).

+ Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.

Trẻ có hiểu biết và thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản trong sinh hoạt về thực hành và vệ sinh cá nhân:T9

- Tập luyện kỹ năng và tự đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng hàng ngày.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.

- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn
- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định
- Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp
- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.

Trẻ có một số hành vi, thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, vệ sinh, phòng bệnh, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân:

- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.
- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.
- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.
- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...
- Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.
- Lựa chọn, sử dụng và ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết: Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh
- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh

Trẻ biết tránh một số đồ vật, vật dụng, những nơi nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.

- Biết và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.

- Biết và không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm: ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.

Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:

- Biết cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt sẽ dễ bị hóc sặc,
- Biết không tự ý uống thuốc.
- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe: ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê không tốt cho sức khỏe.
- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.

Trẻ nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:

- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu
- Biết gọi người lớn khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.
- Biết không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.

- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.

- Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép
- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm

Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:

- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.
- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.
- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...

1.2.2. Giờ học

Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp:

+ Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.

+ Lưng, bụng, lườn: Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.

+ Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.

Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận động

- + Chạy 18m liên tục trong khoảng 5-7 giây
- + Chạy chậm khoảng 100 - 120m
- + Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.
- + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m.
- + Bò đích dắc qua 7 điểm.
- + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.
- + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
- + Bài tập tổng hợp: Bật tách chân, ném xa 1 tay, chạy nhanh

Trẻ kiểm soát, giữ được thăng bằng cơ thể và thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.
- + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc.
- + Đi nổi bàn chân tiến, lùi.
- + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)
- + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.
- + Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật đang đội trên đầu

Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian và giữ thăng bằng khi vận động:

- + Tung bóng lên cao và bắt.

- + Tung, đập bắt bóng tại chỗ.
- + Đi, đập và bắt được bóng bằng 2 tay
- + Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.
- + Ném và bắt bóng bằng 2 tay với người đối diện từ khoảng cách 4m
- + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
- + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.
- + Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).
- + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
- + Nhảy lò cò 5m, đổi chân theo yêu cầu.

Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn:

*Trẻ có khả năng:

- + Bật liên tục vào vòng.
- + Bật xa tối thiểu 50 cm
- + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).
- + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.
- + Bật qua vật cản cao 15 - 20cm.
- + Trèo lên xuống 7 giống thang.
- + Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất

Trẻ có thể kiểm soát và có kĩ năng, phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay:

- + Tự cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mớ tuya), khâu, luồn, buộc dây, cài quai dép

Trẻ hiểu biết về thực phẩm và dinh dưỡng, nói được tên một số món ăn hàng ngày, dạng chế biến đơn giản và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe:

- + Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống

1.2.3. Chủ đề

- Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản : rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm
- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).

- Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe: uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.

- Biết và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.

- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe: ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê không tốt cho sức khỏe.

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

2.1. Mục tiêu giáo dục

- Trẻ ham hiểu biết, quan tâm, thích khám phá, tò mò tìm tòi những thay đổi của sự vật, hiện tượng các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Trẻ biết về các bộ phận của cơ thể con người
- Trẻ có khả năng chú ý, ghi nhớ có chủ định, biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét, so sánh, phân loại, phán đoán và nhận xét, thảo luận về đặc điểm của các đối tượng, sự vật, hiện tượng.
- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận
- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
- Trẻ có khả năng phát hiện, nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách và có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
- Trẻ biết xếp tương ứng.
- Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc.
- Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ đo để đo, đong và so sánh nói kết quả.
- Trẻ có khả năng nhận biết, gọi tên các khối hình và nhận dạng chúng trong thực tế.
- Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để xác định vị trí trong không gian và định hướng thời gian.
- Trẻ có khả năng nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.
- Trẻ biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.
- Trẻ có khả năng kể tên một số lễ hội và danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước

2.2. Hình thức

2.2.1. Sinh hoạt

- Hay đặt câu hỏi và thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng: “Tại sao có mưa?”
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa.
- So sánh sự khác nhau và giống nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra
- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên.
- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.

- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.

- Phân biệt các biển báo GT đơn giản, phân loại theo các dấu hiệu.

- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu như: cây mọc từ hạt, lá, cành, củ; cấu tạo (số chân, bề mặt da ...) cách vận động (bơi, bay, trườn, đi, chạy nhảy...), thức ăn, môi trường sống, sinh trưởng (từ trứng, con, tự tách) của con vật

- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa động vật, thực vật, môi trường sống và con người

- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.

- Loại một nhóm đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.

- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.

- Sử dụng nước tiết kiệm

- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông

- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.

- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.

- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

- Đất, đá, cát, sỏi: một vài đặc điểm, tính chất (sự thay đổi), có ở đâu? Ích lợi? Bé chơi gì với sỏi, cát, đất?

- Một số đặc điểm, tính chất của nước (không màu, mùi, trong suốt giống thủy tinh: thấy được vật trong đó).

- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? Đây là mấy?...

- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc (tìm chỗ không đúng qui tắc, khiếm khuyết hoặc bất hợp lý).

- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu (xếp theo trình tự hợp lý 4-5 đối tượng).

- Gọi đúng tên các mùa trong năm.

- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày

- Nói đúng họ tên đầy đủ, ngày sinh, tuổi, con thứ mấy, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích và vị trí của trẻ trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện.

- Nói được tên, tuổi, giới tính, sở thích, nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn); nhu cầu của gia đình; địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn, xóm, số điện thoại) khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.

- Nói tên, địa chỉ, mô tả những đặc điểm nổi bật và các hoạt động trong trường, các khu vực tương ứng trong trường-lớp, định hướng vị trí, cách giao thông trong trường, lớp mầm non khi được hỏi, trò chuyện

- Nói tên, công việc của cô giáo và các bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

- Nói tên họ và đặc điểm sở thích của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
- Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.
- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. (Ví dụ: “Ngày quốc khánh cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên ...”)
- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng, đặc điểm nổi bật của 1 số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.
- Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.

2.2.2. Giờ học

- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
- Quá trình trưởng thành (bé lớn lên thế nào, cần gì để lớn).
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
- So sánh sự khác nhau và giống nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên.
- Vật chất: chìm – nổi, nam châm, bình thông nhau, chất liệu hút nước khác nhau, tính chất của các chất lỏng ...
- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
- Phân loại phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu.
- Phân biệt các biển báo GT đơn giản, phân loại theo các dấu hiệu.
- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
- Các nguồn nước trong môi trường sống và ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây.
- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.
- Đặc điểm, ích lợi, tác hại của con vật, cây, hoa, quả.
- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.
- Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.
- Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.
- Đất, đá, cát, sỏi: một vài đặc điểm, tính chất (sự thay đổi), có ở đâu? Ích lợi? Bé chơi gì với sỏi, cát, đất?
- Một số đặc điểm, tính chất của nước (không màu, mùi, trong suốt giống thủy tinh: thấy được vật trong đó).
- Các chữ số, số lượng, số thứ tự, đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

- So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau, nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
- So sánh chiều cao của 3 nhóm đối, nói được kết quả: bằng nhau, cao hơn, thấp hơn, cao nhất, thấp nhất.
- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.
- Tách 10 nhóm đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm
 - Nhận biết ý nghĩa các con số: số nhà, biển số xe, số điện thoại...được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.
 - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
 - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc (tìm chỗ không đúng quy tắc, khiếm khuyết hoặc bất hợp lý).
 - Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc
 - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
 - Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.
 - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau
 - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả
 - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
 - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
 - Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.
 - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
 - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
 - Sử dụng lời nói và hành động để xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái; trong, ngoài, ở giữa) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
 - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.
 - Gọi đúng tên các ngày trong tuần theo thứ tự
 - Thời gian: phân biệt ngày (hôm nay, hôm qua, ngày mai). Ứng dụng vào sinh hoạt (Lịch HĐ các phòng, thời tiết...); biết cách xem đồng hồ và đọc được các số trên đồng hồ; biết được quy ước cụ thể của các kim trên đồng hồ.
 - Nói tên, công việc của cô giáo và các bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
 - Nói tên, địa chỉ, mô tả những đặc điểm nổi bật và các hoạt động trong trường, các khu vực tương ứng trong trường-lớp, định hướng vị trí, cách giao thông trong trường, lớp mầm non khi được hỏi, trò chuyện
 - Nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”

- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.

- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. (Ví dụ: “Ngày quốc khánh cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên ...”)

- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng, đặc điểm nổi bật của 1 số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.

- Bé làm gì để xử dụng nước tiết kiệm.

- Bé làm gì để tiết kiệm điện.

2.2.3. Chủ đề

- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.

- Quá trình trưởng thành (bé lớn lên thế nào, cần gì để lớn).

- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.

- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa.

- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên

- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.

- Phân loại phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu.

- Phân biệt các biển báo GT đơn giản, phân loại theo các dấu hiệu.

- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.

- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

- Các nguồn nước trong môi trường sống và ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây.

- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.

- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.

- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi

- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông

- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả

- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật

- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.

- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa

- Một số đặc điểm, tính chất của nước (không màu, mùi, trong suốt giống thủy tinh: thấy được vật trong đó)

- Gọi đúng tên các mùa trong năm.

- Nói đúng họ tên đầy đủ, ngày sinh, tuổi, con thứ mấy, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích và vị trí của trẻ trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện.

- Nói được tên, tuổi, giới tính, sở thích, nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn); nhu cầu của gia đình; địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn, xóm, số điện thoại) khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.

- Nói tên, địa chỉ, mô tả những đặc điểm nổi bật và các hoạt động trong trường, các khu vực tương ứng trong trường-lớp, định hướng vị trí, cách giao thông trong trường, lớp mầm non khi được hỏi, trò chuyện.

- Nói tên, công việc của cô giáo và các bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

- Nói tên họ và đặc điểm sở thích của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.

- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương

- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng, đặc điểm nổi bật của 1 số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

3.1. Mục tiêu giáo dục

- Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói, biết sử dụng lời nói trong giao tiếp và nhận xét ý kiến của người đối thoại.

- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát.

- Trẻ hiểu nghĩa từ trái nghĩa.

- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.

- Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Trẻ diễn đạt rõ ràng, thực hiện một số quy tắc thông thường và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.

- Trẻ có khả năng nghe, kể lại sự việc, kể lại truyện, thể hiện khả năng sáng tạo.

- Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu và đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Trẻ thể hiện một số hành vi và kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- Trẻ nhận ra được một số kí hiệu thông thường.

- Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt

- Trẻ thể hiện hứng thú với việc đọc viết.

3.2. Hình thức

3.2.1. Sinh hoạt

- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.

- Nghe hiểu nội dung, sử dụng được các loại câu khác nhau trong giao tiếp: câu đơn, câu mở rộng, câu phức, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...

- Nói rõ ràng, phát âm được các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.

- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, tình cảm, nhu cầu, ý nghĩa, kinh nghiệm và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.

- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động.

- Biết đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của người khác về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao? ”; “Như thế nào?” ; “Làm bằng gì?”; “Có gì giống và khác nhau?”; “Do đâu mà có?”.

- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất, biểu cảm, hình tượng trong sinh hoạt hàng ngày.
- Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.
- Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.
- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động
- Hiểu nghĩa từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,)
- Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể
- Chăm chú lắng nghe và đáp lại, hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt phù hợp khi không hiểu người khác nói.
- Biểu đạt và nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.
- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng” phù hợp với tình huống.
- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh, tình huống và nhu cầu giao tiếp.
- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.
- Không nói tục, chửi bậy.
- Kể lại được nội dung truyện đã nghe theo trình tự nhất định.
- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân
- Kể lại sự việc theo trình tự.
- Đóng được vai của nhân vật trong truyện (đóng kịch)
- Nghe hiểu nội dung và đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi của trẻ.
- Tập tô, tập đồ các nét chữ.
- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
- Làm quen, biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu, từ đầu đến cuối sách và phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
- Nhận biết hướng viết của các nét chữ, quy trình viết (theo thứ tự từ trái sang phải, từ trên xuống dưới).
- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
- Biết chọn sách để đọc và xem
- Có một số hành vi như người đọc sách
- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.
- Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình.
- Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân

- Làm quen, biết ý nghĩa của một số ký hiệu, biểu tượng thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra-vào, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)

- Nhận dạng các chữ cái
- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh
- Giữ gìn, bảo vệ sách.
- Thể hiện sự thích thú với sách

3.2.2. Giờ học

- Hiểu nghĩa từ trái nghĩa
- Nghe hiểu nội dung câu chuyện phù hợp với lứa tuổi
- Kể lại được nội dung truyện đã nghe theo trình tự nhất định.
- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
- Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác: thay tên nhân vật, tính cách, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện, tình tiết...trong nội dung truyện, đặt tên mới cho câu chuyện.

- Nghe hiểu nội dung và đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi của trẻ.

- Tập tô, tập đồ các nét chữ.
- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
- Làm quen, biết ý nghĩa của một số ký hiệu, biểu tượng thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra-vào, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)

- Nhận dạng các chữ cái.

3.2.3. Chủ đề

- Có một số hành vi như người đọc sách.
- Giữ gìn, bảo vệ sách

4. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

4.1. Mục tiêu giáo dục

- Trẻ có khả năng cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát

- Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc
- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé, dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.
- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.

- Trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sự sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

4.2. Hình thức

4.2.1. Sinh hoạt

- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.
- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc nhận xét của mình (về màu sắc, hình dáng/đường nét, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát trẻ em
- Hát diễn cảm, tự nhiên rõ lời phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...
- Thể hiện cảm xúc và vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
- Tô màu kín, không chừa ngoài đường viền các hình vẽ
- Tô màu đậm - nhạt.
- Tự chọn màu cho nền, hình.
- Vẽ, trang trí bố cục (xa-gần, trái-phải, trên-dưới, xéo kích thước cân đối)
- Tập cầm kéo cắt trên giấy, cắt dọc, đứng, lượn cong.
- Cắt hình giống nhau 1 loạt.
- Dán: phết, chấm hồ, dán vào hình nền có sẵn, ước lượng vị trí dán, chọn hình có sẵn để dán thành hình mới.
- Xé theo đường cong
- Xé theo hình vẽ sẵn
- Tạo hình mới từ những mảnh xé
- Đính thêm các chi tiết vào hình nặn
- Đặt hình đã nặn vững trên kệ
- Lựa chọn, sử dụng và phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
- Làm đồ chơi
- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)
- Nghe và nhận ra giai điệu, sắc thái (vui, êm dịu, buồn, tình cảm tha thiết) của bài hát hoặc bản nhạc

- Nghe và phân biệt âm thanh đa dạng trong cuộc sống, thiên nhiên (gió, mưa, xe cộ, đóng mở cửa, điện thoại, đồng hồ... VD: kết hợp chuyện kể)

- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.

- Sáng tác vận động, múa, tiết tấu gõ, vẽ theo cảm nhận âm nhạc được nghe

- Đặt lời mới cho bài hát theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)

- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.

- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn

- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích của mình

- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình

- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp

- Thể hiện cảm xúc, thái độ hành vi mong muốn tạo ra cái đẹp: xếp đồ gọn gàng, chăm sóc cây hoa, ăn mặc, chải tóc....

4.2.2. Giờ học

- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát trẻ em.

- Hát diễn cảm, tự nhiên rõ lời phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...

- Thể hiện cảm xúc và vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).

- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.

- Vận động theo nhạc bằng cơ thể (dân vũ, võ, lắc, nhún nhảy, uốn lượn, múa, khiêu vũ hiện đại...)

- Cắt dọc, cắt thẳng, cắt lượn cong, cắt theo mẫu, cắt hình giống nhau một loạt, cắt hình gấp để tạo hình (hoa, tam giác, vuông...)

- Cắt theo đường gấp khúc

- Nặn: Chia đất cân đối, xoay tròn, bóp, ấn, ngắt, lăn dài, uốn cong, miết, gấn, kéo dài, làm lõm, đổ bột, bẻ loe miệng, cuộn thành ống loe.

- Gấp giấy theo cách đơn giản: gấp đôi, tư, xéo, gấp cắt hình đối xứng

- Làm đồ chơi.

- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)

- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.

- Đặt lời mới cho bài hát theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)

- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.

- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn

- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích của mình

4.2.3. Chủ đề

5. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - XÃ HỘI

5.1. Mục tiêu giáo dục

- Trẻ thể hiện sự nhận thức và có ý thức về bản thân.
- Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân và thể hiện sự mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Trẻ có khả năng nhận biết, cảm nhận và thể hiện tình cảm, cảm xúc, với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Trẻ biết về Bác Hồ.
- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của địa phương, quê hương, đất nước
- Trẻ có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ và có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn.
- Trẻ thực hiện được một số qui định, qui tắc ứng xử và có hành vi thích hợp trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Trẻ biết quan tâm đến môi trường.

5.1.1. Subtopic

5.2. Hình thức

5.2.1. Sinh hoạt

- Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân (họ tên, tuổi, giới tính) và gia đình (tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc số điện thoại).
- Nói được sở thích, khả năng riêng của bản thân
- Nói được điểm giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
- Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.
- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình (là con cái /cháu /anh/ chị em) và lớp học.
- Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức (vệ sinh nhà, lớp, chuẩn bị giờ học, chăm sóc cây ...)
- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân
- Chủ động, độc lập làm một số công việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).
- Cố gắng tự thực hiện và hoàn thành công việc được giao đến cùng.
- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân.
- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
- Bộc lộ cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt.
- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.

- Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.
- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.
- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...).
- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
- Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi
- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi
- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn
- Có nhóm bạn chơi thường xuyên.
- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động
- Lắng nghe ý kiến của người khác.
- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.
- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè
- Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.
- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.
- Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân
- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.
- Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.
- Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường): Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng; vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép...; trật tự khi ăn, ngủ, đi bên phải lề đường ..
- Biết lắng nghe ý kiến của người khác, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.
- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn.
- Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày.
- Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)
- Thích chăm sóc và bảo vệ cây, con vật thân thuộc
- Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.

5.2.2. Giờ học

- Nói được điểm giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng) và ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.

- Biết mình là con cái /cháu /anh/ chị em trong gia đình.
- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn vệ sinh môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) và có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày (bỏ rác đúng nơi quy định).
- Giáo dục kỹ năng sống:
 - + Cuốn xả giò
 - + Gấp khăn trang trí bàn ăn.
 - + Kỹ năng xỏ và thắt dây giày
 - + Kỹ năng thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn

5.2.3. Chủ đề

- Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân (họ tên, tuổi, giới tính) và gia đình (tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc số điện thoại).
- Nói được điểm giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc).
- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình

6. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI

	NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN	CÁC BIỆN PHÁP TÁC ĐỘNG	PHƯƠNG TIỆN ĐỒ DÙNG	GHI CHÚ
A/. TRÒ CHƠI SÁNG TẠO 1.Trò chơi giả bộ: +Gia đình -Nấu ăn -Dọn bàn ăn +Cô giáo: -Dạy: hát, múa, vẽ.. +Bán hàng: -Bán trái cây, bán tôm, cua cá, bán hoa..) +Thợ may: -Đo, cắt, may áo quần +Bác sĩ: -Khám bệnh -Tiêm thuốc cho bệnh nhân -Lấy thuốc cho bệnh nhân +Uốn tóc: -Làm móng -Gội đầu	1. Nội dung cốt chuyện trò chơi giả bộ - Hiện thực thật đa dạng được phản ánh trong trò chơi: ngành nghề lao động của người lớn, như: Gia đình, bác sĩ, thợ may, 2/. Kỹ năng chơi giả bộ: - Tình huống giả bộ đa dạng phong phú: - Sử dụng vật thay thế trong trò chơi khi có nhu cầu - Đóng vai người khác khi chơi, linh hoạt thay đổi vai chơi phù hợp. 3/. Phối hợp với bạn trong tổ chức TC - Trẻ rủ bạn cùng chơi về một trò chơi, thỏa thuận về trò chơi, chuẩn bị đồ chơi, nơi chơi... - Phối hợp trong nhóm khi chơi 4/. Khả năng tự lực khi chơi - Tự chơi ở mức chủ động khi chơi nhưng có sự gợi ý,	- Xây dựng môi trường đồ chơi đa dạng, phong phú về thể loại: chơi gia đình. - Sắp xếp đồ chơi theo chủng loại, dễ tìm, dễ lấy, dễ thu dọn. - Trang trí tranh ảnh cho từng góc chơi - Trẻ chuyện với trẻ, cùng trẻ xem album về nội dung trò chơi. - Tham gia vào trò	- Đầu bếp: trang phục, nồi, chén, đĩa, muống, đĩa, ly... - Cô giáo: giấy, bút, trống... - Bán hàng: trái cây, hoa, tôm, cá, -Thợ may: thước, kéo, keo, giấy,.. -Bác sĩ: trang phục,	

-Trang điểm 2. Trò chơi xây dựng: -Xây trường MN - Nhà cao tầng - Lâu đài - Doanh trại bộ đội - Công viên - Thảo cầm viên - Tháp	hỗ trợ thường xuyên của giáo viên - Tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn gàng, đúng nơi qui định. 1. Hoạt động kiến tạo mô hình a/. Ý tưởng - Có ý tưởng trước khi chơi: Tên gọi,cấu trúc , VLXD sẽ sử dụng. - Thực hiện mô hình theo sơ đồ đơn giản. b/.Kỹ năng: - Biết sử dụng các loại vật liệu (3 - 4 loại VLX) - Biết phối hợp thao tác xếp chồng 6-8 khối (đầu năm)10-12 khối (cuối năm) , đặt cạnh để tạo ra mô hình XD hình khối đặc hoặc rỗng	chơi bằng câu hỏi gợi mở, khuyến khích suy nghĩ phát triển trò chơi - Tạo hình hướng thiếu đồ dùng. - Gợi ý để trẻ rủ thêm bạn vào trò chơi. - Chấp nhận thêm bạn chơi	ổng nghe, ổng chích, ,hạt nút, -Uốn tóc: các chai dầu gội, lược, đồ uốn – duỗi tóc...	
II/. TRÒ CHƠI CÓ LUẬT 1. Trò chơi học tập: +Tìm đồ vật theo mô phỏng, đồ mi nô, trúc xanh, tìm đường về nhà, tìm bóng, ráp hình tìm cặp đôi, tìm đồ vật tương ứng,ghép đôi cặp có liên quan... (cả năm) + Góc toán: - Đếm trên đối tượng trong phạm	1. Thực hiện hành động chơi: -Phù hợp với mục tiêu, lứa tuổi: -Tìm đồ vật theo mô phỏng, đồ mi nô, trúc xanh, tìm đường về nhà, tìm bóng, ráp hình tìm cặp đôi, tìm đồ vật tương ứng...	- Tổ chức cho trẻ chơi, chơi cùng trẻ. - Gợi mở cho trẻ suy nghĩ, tăng độ khó của	- Thẻ hình, chữ số, hình hình học...	

vi 10 và đếm theo khả năng trẻ - Phát hiện qui tắc và sắp xếp theo qui tắc - Tạo hình vui bằng các hình tròn, hình vuông, hình tam giác... - Sắp xếp theo trình tự hợp lý (3-4 đối tượng) 2. Trò chơi vận động- Dân gian -Mèo bắt chuột - Cáo và Thỏ - Bịt mắt bắt dê - Rồng rắn lên mây. - Kéo co - Bún thun. - Dung dăng dung dẻ - Úp lá khoai - Nhảy lò cò	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng trẻ - Phát hiện qui tắc và sắp xếp theo qui tắc - Tạo hình vui bằng các hình tròn, hình vuông, hình tam giác... -Sắp xếp theo trình tự hợp lý (3-4 đối tượng) 2/. <i>Tuân thủ các quy tắc chơi</i> - Tuân thủ một cách có ý thức. - Thực hiện các qui tắc hành vi trong khi chơi 3/. <i>Phối hợp các bạn khi chơi</i> - Rủ nhau chơi, thỏa thuận cách chơi - Khi chơi thực hiện như thỏa thuận. 4/. <i>Khả năng tự lực</i> - Tự chơi ở mức hoàn toàn chủ động nhưng có sự hỗ trợ của giáo viên.	trò chơi khi trẻ chơi thành thạo - Hướng dẫn trẻ chơi, quan sát, nhắc nhở trẻ chơi đúng luật - Dạy cho trẻ thuộc lời các bài đồng dao. - Quan sát trẻ chơi xem trẻ chơi có đúng luật hay không, nếu chưa đạt thì cô sẽ tham gia chơi cùng	- Mặt nạ mèo , chuột - Mũ cáo, thỏ -Khăn bịt mắt -Dây kéo - Dây thun. - Bài đồng dao -Bài đồng dao	
--	---	---	--	--

		trẻ cho trẻ biết được cách chơi. - Động viên tất cả trẻ cùng tham gia. - Chủ động ,tích cực tham gia trò chơi, trò chơi mới GV sẽ hướng dẫn cách chơi và luật chơi.		
--	--	---	--	--

6.1. Trò chơi có luật

1) Thực hiện hành động chơi:

- Nỗ lực, hứng thú.
- Đúng, phù hợp với mục tiêu
- Thành thạo (trò chơi quen thuộc)
- Hợp lí.
- Hành động chơi có mức độ phức tạp phù hợp

2) Tuân thủ qui tắc chơi:

- Các mức độ: tuân thủ một cách có ý thức, có vi phạm do không chú ý , cố tình vi phạm (cả năm)

3) Phối hợp với bạn:

- Biểu hiện: (cả năm)
 - + Rủ nhau chơi, thỏa thuận về cách chơi
 - + Khi chơi thực hiện như thỏa thuận
 - + Nhắc nhở, chia sẻ & lắng nghe ý kiến của nhau
 - + Nhường nhịn vì trò chơi chung
 - + Hứng thú khi được chơi với nhau
- Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi (bình đẳng/không bình đẳng) ; Nhóm chơi liên kết rời rạc.T10
- Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới.

4) Khả năng tự lực khi chơi:

- Tự chơi ở mức hoàn toàn chủ động.
- Tự chơi ở mức “chủ động nhưng có sự gợi ý hỗ trợ của giáo viên”
- Tự chơi ở mức “cần sự trợ giúp thường xuyên của giáo viên”

- Sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi
- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi qui định.

6.2. Trò chơi sáng tạo

6.2.1. Trò chơi giả bộ

1) Nội dung cốt truyện của trò chơi

- Hiện thực đa dạng được phản ánh trong trò chơi: Sinh hoạt của trẻ, ngành nghề lao động của người lớn, sự kiện xã hội, sự kiện giả tưởng...
- Mức độ phong phú của các tình tiết nội dung cốt truyện
- Mức độ sâu sắc của nội dung cốt truyện.
- Sự gắn kết độc đáo giữa các tình tiết của nội dung cốt truyện
- Có những tình tiết độc đáo từ nhiều nguồn phong phú

2) Kỹ năng chơi giả bộ:

- Tình huống giả bộ đa dạng phong phú
- Sử dụng vật thay thế trong trò chơi khi có nhu cầu.
- Đóng vai người khác khi chơi
- Linh hoạt thay đổi vai chơi phù hợp tình huống giả bộ.
- Biểu hiện sáng tạo, độc đáo của tình huống giả bộ, trong sử dụng vật thay thế hoặc trong việc thực hiện các hành động vai (ngôn ngữ, hành động, nét mặt...)

3) Phối hợp với bạn trong tổ chức trò chơi:

- Rủ nhau chơi, thỏa thuận về trò chơi và chuẩn bị đồ chơi, nơi chơi... cho trò chơi chung
- Phối hợp trong nhóm khi chơi: Chia sẻ/ lắng nghe/ chấp thuận ý tưởng của bạn; Phối hợp hành động phù hợp tình huống chơi
- Cùng kết thúc, thu dọn đồ chơi.
- Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi (bình đẳng/ không bình đẳng); Nhóm chơi liên kết, rời rạc.
- Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới.

4) Khả năng tự lực khi chơi:

- Tự chơi ở mức hoàn toàn chủ động, ở mức "chủ động nhưng có sự gợi ý hỗ trợ của giáo viên" và ở mức "cần sự giúp đỡ thường xuyên của giáo viên" .
- Sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi
- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi qui định.

6.2.2. Trò chơi xây dựng

1) Hoạt động kiến tạo mô hình:

- Ý tưởng xây dựng: .
 - + Hình dung rõ ràng trước khi chơi: Tên gọi, cấu trúc, “vật liệu xây dựng” sẽ sử dụng...

- + Ý tưởng về mô hình xây dựng độc đáo, khác lạ.
- + Có khả năng thực hiện mô hình theo sơ đồ.
- Kỹ năng “xây dựng”:
 - + Biết sử dụng các loại “vật liệu xây dựng” khác nhau để “gia công” và phát triển mô hình xây dựng.
 - + Sáng tạo trong phối hợp các thao tác *xếp chồng* và *đặt cạnh* để tạo ra mô hình xây dựng hình khối đặc hoặc có không gian rỗng để “chứa đựng” chi tiết bên trong.
- Quan tâm đến sự hài hòa cân đối của mô hình về hình dạng, kích thước và màu sắc..

2) Mô hình xây dựng:

- Mô hình là công trình với nhiều “hạng mục” liên quan với nhau
- Mô hình phát triển trong không gian ba chiều
- Mô hình hài hòa cân đối
- Mô hình sắc xảo, vững chãi.
- Mô hình có chi tiết độc đáo, khác lạ

3) Phối hợp với bạn trong nhóm chơi:

- Biểu hiện:
 - + Rủ nhau chơi, thỏa thuận về mô hình xây dựng và phân công thực hiện
 - + Trong khi chơi: Thực hiện theo phân công, quan tâm đến phần việc của nhau; trao đổi, lắng nghe ý kiến của nhau;
 - + Xem mô hình xây dựng là kết quả chung của nhóm
 - + Cùng thu dọn đồ chơi.
- Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi (bình đẳng/không bình đẳng) ; Nhóm chơi liên kết rời rạc.
- Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới.

4) Khả năng Tự lực khi chơi:

- Tự chơi ở mức chủ động , “chủ động nhưng có sự gợi ý hỗ trợ của giáo viên” , “cần sự trợ giúp thường xuyên của giáo viên”
- Có sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi
- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi qui định.

7. KẾT HỢP PHỤ HUYNH THỰC HIỆN CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ 5 TUỔI

KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN BỘ CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ 5 TUỔI LỚP: LÁ 3

Năm học 2024- 2025

I. NHIỆM VỤ :

Nhằm giúp phụ huynh hiểu và tiếp cận “Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi” một cách dễ dàng và nhanh chóng.

Tạo sự liên kết, thống nhất giữa giáo viên và các bậc cha mẹ trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN :

Giới thiệu nội dung Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

Hướng dẫn các bậc cha mẹ có những hiểu biết về kết quả mong đợi hợp lý với trẻ 5 tuổi.

Gợi ý cho các bậc cha mẹ những biện pháp theo dõi, đánh giá trẻ theo bộ chuẩn phát triển 5 tuổi.

Thu thập thông tin phản hồi từ phía phụ huynh về bộ chuẩn, để có hình thức tuyên truyền và giới thiệu bộ chuẩn phù hợp nhất.

Thống nhất lựa chọn các chỉ số và thực hiện bảng quan sát, đánh giá để gửi cho phụ huynh hỗ trợ phân đánh giá cùng giáo viên.

Biện pháp:

Thực hiện giới thiệu về bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi tại góc tuyên truyền trên bảng tin của lớp, đổi mới thường xuyên để thu hút phụ huynh (mỗi tuần tuyên truyền 1- 2 nội dung).

Tổ chức họp phụ huynh đầu năm, giới thiệu bộ chuẩn một cách rõ ràng và cụ thể về chuẩn, chỉ số...

Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về bộ chuẩn (những khó khăn, thuận lợi về việc thực hiện các chỉ số).

Phát nội dung Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi đến phụ huynh.

KẾ HOẠCH HÀNG THÁNG

THÁNG	NỘI DUNG	BIỆN PHÁP
9/2024	- Nói ngày trên lịch và giờ ăn trên đồng hồ. - Tự rửa mặt và chải răng hằng ngày - Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn Không nói tục, chửi bậy	- Quan sát trong giờ sinh hoạt hằng ngày, trong các góc chơi gia đình. - Quan sát qua giờ đón, trả trẻ, khi có khách đến thăm lớp, trao đổi với phụ huynh. - Quan sát, nhờ phụ huynh theo dõi, nhắc nhở kịp thời.
10/2024	- Giữ quần áo, đầu tóc gọn gàng - Sử dụng 1 số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.	- Cô giáo dục cho trẻ biết chải tóc và mặc quần áo gọn gàng vào HĐ tiết dạy, các giờ trò chuyện buổi sáng hay HĐ chiều..

	- Phân biệt được hôm qua, hôm nay qua các sự kiện hằng ngày	- Trò chuyện, quan sát qua giao tiếp hằng ngày. - QS trẻ trong những HĐ kết hợp trao đổi với PH.
11/2024	- Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp - Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc - Biết và không ăn, uống 1 số thứ có hại cho sức khỏe - Biết và không làm 1 số việc có thể gây nguy hiểm - Thích khám phá các SV, HT xung quanh	- Quan sát hằng ngày qua các HĐ của trẻ, trao đổi với PH. - Trò chuyện với trẻ nếu thấy người hút thuốc lá con sẽ làm gì? Kết hợp trao đổi với PH. - Quan sát trẻ trong sinh hoạt hằng ngày, kết hợp trao đổi với PH. - Trò chuyện: yêu cầu trẻ kể tên 1 số đồ vật gây nguy hiểm, quan sát trong sinh hoạt hằng ngày, kết hợp trò chuyện với PH. - Thích những cái mới, hay hỏi về những thay đổi, có những hứng thú riêng.
12/2024	- Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm - Chủ động làm 1 số công việc đơn giản hằng ngày - Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp - Nhận ra và không chơi với số đồ vật gây nguy hiểm	- Trò chuyện với trẻ về 1 số nơi mất vệ sinh, nguy hiểm, quan sát trong sinh hoạt hằng ngày, trao đổi với PH. - Quan sát qua 1 số HĐ hằng ngày, Trao đổi PH. - Tạo tình huống cho trẻ xem tranh về phong cảnh thiên nhiên, quan sát khi trẻ xem sách, tranh, khi đi tham quan, nhận xét sản phẩm tạo hình. - Quan sát trẻ trong HĐNT, khám phá khoa học, trao đổi với PH.
01/2025	- Thể hiện sự an ủi, chia vui với người lớn - Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn .	- Tạo tình huống, quan sát xem trẻ thể hiện sự đồng cảm của mình với bạn thế nào. Kết hợp trao đổi với phụ huynh. -Tạo tình huống, quan sát các hoạt động cá nhân (làm bài tập,

	-Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện	hoạt động tự phục vụ...). Trao đổi với phụ huynh. -Tạo tình huống kể chuyện cho trẻ nghe, quan sát trẻ trong sinh hoạt hằng ngày. Trao đổi với phụ huynh. - Qs trẻ trong các HĐ kết hợp trao đổi với PH.
02/2025	- Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn . - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện -Kể về 1 sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được	-Tạo tình huống, quan sát trong các công việc lao động của trẻ, trao đổi với phụ huynh. - Quan sát trong sinh hoạt hằng ngày của trẻ, trao đổi với phụ huynh. - Tạo tình huống cho trẻ kể về 1 sự việc, hiện tượng trẻ được tham gia, quan sát qua giao tiếp hằng ngày của trẻ, trò chuyện với trẻ.
3/2025	-Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. -Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết . -Không đi theo nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. - Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.	-Tạo tình huống, quan sát trong các hoạt động hằng ngày đặc biệt khi có việc đột xuất diễn ra không thường xuyên. Trao đổi với phụ huynh. - Tạo tình huống vượt quá khả năng của trẻ, quan sát hằng ngày trong học tập, vui chơi, sinh hoạt của trẻ. Trao đổi với phụ huynh. - Cho trẻ xem phim hay hình ảnh về tình huống ở nhà 1 mình để trẻ tìm cách kết hợp với PH. - Quan sát trong hoạt động học, chơi, sinh hoạt hằng ngày của trẻ. Trao đổi với phụ huynh.
4/2025	-Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt -Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. -Dự đoán 1 số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra.	- Tạo tình huống, quan sát trong sinh hoạt hằng ngày, trao đổi với phụ huynh.

		- Trò chuyện, hỏi trẻ những việc trẻ đã làm. Trao đổi với phụ huynh. -Quan sát trẻ trong hoạt động ngoài trời, trò chuyện với trẻ về các hiện tượng tự nhiên xảy ra trong ngày và dự đoán.
5/2025	-Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày. -Sử dụng các loại câu khác nhau khi giao tiếp. -Kể được 1 số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	-Tạo tình huống, quan sát sau các giờ tạo hình, trong sinh hoạt. -Trò chuyện với trẻ nội dung có câu hỏi, câu khẳng định, câu nghi vấn. Quan sát qua giao tiếp hằng ngày. - Trò chuyện với trẻ, quan sát trẻ trong các hoạt động học, chơi, tham quan. Trao đổi với phụ huynh.